

QUAN HỆ CAMPUCHIA - MỸ TỪ NĂM 1954 ĐẾN NĂM 1965

NGUYỄN THÀNH VĂN*

Sau khi giành được độc lập hoàn toàn vào năm 1954, nhân dân Campuchia bắt tay vào công cuộc khôi phục và phát triển đất nước. Trước bối cảnh thế giới có những biến động to lớn sau Chiến tranh thế giới thứ Hai, Campuchia đã thực hiện chính sách đối ngoại hòa bình trung lập nhằm góp phần thực hiện các mục tiêu khôi phục, phát triển đất nước. Với việc triển khai chính sách này, Campuchia đã trở thành “ốc đảo hòa bình” ở khu vực Đông Nam Á lục địa trong giai đoạn từ năm 1954 đến năm 1970, đồng thời thiết lập quan hệ hữu nghị với nhiều nước trên thế giới, trong đó có Mỹ. Quan hệ Campuchia - Mỹ được chính thức thiết lập từ năm 1954, trải qua những năm thăng trầm, biến động do tác động của nhiều yếu tố, Campuchia đã đơn phương tuyên bố cắt đứt quan hệ ngoại giao với Mỹ vào năm 1965.

Chính vì vậy, trong khuôn khổ bài viết này, chúng tôi đề cập đến vấn đề quan hệ giữa Campuchia và Mỹ, đặc biệt là quan hệ chính trị ngoại giao từ năm 1954 đến năm 1965 với các nội dung chính như: mục tiêu, chính sách đối ngoại của Campuchia đối với Mỹ, của Mỹ đối với Campuchia; quan hệ giữa hai nước từ năm 1954 đến năm 1965, và bước đầu chúng tôi đưa ra một số nhận xét, cũng như nhận định, đánh giá về những nhân tố tác động đến quan hệ

Campuchia - Mỹ trong giai đoạn này.

1. Mục tiêu, chính sách đối ngoại của Campuchia đối với Mỹ

Sự hình thành và nội dung chính sách trung lập của Campuchia

Sau khi Chiến tranh thế giới thứ Hai kết thúc, một trật tự thế giới mới đã hình thành. Trật tự thế giới hai cực Yalta với cuộc Chiến tranh lạnh diễn ra gay gắt giữa hai cực Xô - Mỹ và hai khối Đông - Tây. Trong bối cảnh đó, trên thế giới xuất hiện ba xu hướng phát triển đất nước, đó là xu hướng đi theo con đường xã hội chủ nghĩa; xu hướng đi theo con đường tư bản chủ nghĩa; và xu hướng đi theo con đường trung lập. Có thể nói, bối cảnh đó đã đặt Campuchia đứng trước ba sự lựa chọn. Cuối cùng Campuchia đã lựa chọn con đường thứ ba đó là con đường trung lập và thực hiện chính sách đối ngoại trung lập, có nghĩa là Campuchia “đứng giữa” cuộc Chiến tranh lạnh, không theo phe xã hội chủ nghĩa cũng không theo phe tư bản chủ nghĩa.

Chủ trương về trung lập của Campuchia đã mạnh mẽ xuất hiện từ trước khi Pháp trao trả độc lập cho Campuchia. Tháng 9-1953, sau khi Pháp chấp nhận sẽ trao cho Campuchia quyền kiểm soát về quân sự, cảnh sát và tư pháp, Quốc vương

* ThS. Viện Nghiên cứu Đông Nam Á

Campuchia Norodom Sihanouk (2), đã chỉ thị cho Thủ tướng Campuchia lúc đó là Pen Nouth gửi một thông điệp tới các lực lượng Việt Minh và Khmer Issark với nội dung: Mặc dù Campuchia không phải là cộng sản, nhưng Campuchia cũng không chống lại chủ nghĩa cộng sản ở bên ngoài lãnh thổ của mình. Chủ trương trung lập của Campuchia được củng cố thêm một bước khi Hiệp định Geneva về Đông Dương được ký kết vào tháng 7-1954. Hiệp định Geneva quy định các bên tham gia ký kết tôn trọng độc lập chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ; không can thiệp vào công việc nội bộ của Campuchia, Việt Nam và Lào. Mặt khác, Campuchia cũng cam kết thi hành các biện pháp để đoàn kết, thống nhất mọi công dân vào quốc gia; *không tham gia bất cứ khối liên minh quân sự nào; không cho phép nước ngoài thiết lập căn cứ quân sự trên lãnh thổ Campuchia.*

Song lần đầu tiên Campuchia công khai ý định thực hiện chính sách đối ngoại trung lập là vào tháng 11-1954 khi Norodom Sihanouk phát biểu: *"... để bảo vệ mình, các quốc gia lớn nhỏ ở Đông Nam Á nên thể hiện tất cả thiện chí của mình nhằm tạo ra một trung tâm hòa bình chống lại tất cả các bè phái hoặc liên minh có nguy cơ gây xung đột trên thế giới. Do đó một nhóm các nước nên nhìn nhận sự trung lập một cách nghiêm túc..."* (3). Tiếp theo đó, vào tháng 12-1954, Thủ tướng Campuchia Pen Nuoth tuyên bố Campuchia sẽ thực hiện lập trường trung lập trong cuộc Chiến tranh lạnh. Campuchia tiếp tục hoan nghênh viện trợ của Mỹ và Pháp nhưng Campuchia cũng sẽ không ký bất kỳ hiệp định viện trợ nào nếu hiệp định đó có ràng buộc về vấn đề tự do hành động trong chính sách đối ngoại của Campuchia.

Chính sách đối ngoại trung lập của

Campuchia được thể hiện rõ ràng hơn vào tháng 4-1955, tại Hội nghị của các nước Á - Phi tại Bandung, Indonesia (thường gọi là Hội nghị Bandung), Norodom Sihanouk đã khẳng định: *"... hiện nay Campuchia đang tìm cho mình một con đường riêng biệt giữa hai nền văn minh, hai chủng tộc, hai hệ thống chính trị "và như vậy ưu tiên hàng đầu của Campuchia là thử nghiệm và áp dụng các nguyên tắc Pancha Sila" đất nước tôi đã công nhận các nguyên tắc này và mong muốn áp dụng chúng một cách đầy đủ nhất... Hội nghị các nước Á - Phi nên đề nghị rằng tất cả các nước tham gia hội nghị nên tuyệt đối tôn trọng độc lập của tất cả các nước khác, đặc biệt là của các nước giống như Campuchia, hoặc bằng quan điểm hoặc bằng các thỏa thuận, sự trung lập và cam kết: a) duy trì sự trung lập cho đến khi nào nền an ninh không bị đe dọa; b) không sử dụng như một cơ sở xâm lược"* (4). Cũng tại Hội nghị này, Norodom Sihanouk đã có cuộc gặp gỡ với Thủ tướng Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa (CHND Trung Hoa) Chu Ân Lai, Ngoại trưởng Việt Nam Dân chủ Cộng hòa (Việt Nam DCHH) Phạm Văn Đồng và nhận được sự đảm bảo tôn trọng độc lập chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ của Campuchia từ phía Việt Nam và Trung Quốc. Điều này càng làm cho Norodom Sihanouk tin tưởng rằng, chính sách trung lập sẽ là công cụ hữu hiệu nhất để Campuchia tránh Chiến tranh lạnh.

Sau này, chính Norodom Sihanouk đã khẳng định đường lối trung lập của Campuchia được xác định từ hội nghị Geneva và hội nghị Bandung: *"... Tôi từ chối, vì gia nhập SEATO có nghĩa là đi ngược lại đường lối trung lập mà Campuchia cam kết tại Hội nghị Geneva về Đông Dương năm 1954 và tại Hội nghị Bandung - Indonesia tháng 4-1955 mà tôi đã khẳng định"* (5).

Kể từ đó, chính sách trung lập ngày càng được củng cố, phát triển và khẳng định bởi các cơ quan quyền lực cao nhất của Campuchia.

Tại Đại hội Nhân dân toàn quốc lần thứ II, được tổ chức từ ngày 30 đến 31-12-1955, Norodom Sihanouk đã có bài phát biểu về việc lựa chọn đường lối trung lập của Campuchia, trong đó nêu rõ: "...*Campuchia không cho phép nước nào xây dựng căn cứ quân sự trên lãnh thổ Campuchia, Campuchia không tham gia vào một liên minh quân sự nào, Campuchia mong muốn có quan hệ hữu nghị với tất cả các nước trên thế giới tôn trọng chủ quyền của Campuchia*" (6).

Từ ngày 21 đến 23-4-1956, Đại hội Nhân dân toàn quốc lần thứ III của Campuchia được tổ chức và đã ra Nghị quyết về chính sách trung lập như sau:

- *Campuchia kiên quyết theo đuổi chính sách hòa bình trung lập;*

- *Campuchia hữu nghị với tất cả những nước tôn trọng độc lập và chủ quyền của Campuchia;*

- *Campuchia sẵn sàng nhận viện trợ của tất cả các nước, miễn là viện trợ đó không kèm theo điều kiện ràng buộc.*

Đại hội Nhân dân toàn quốc lần thứ IV (12-1-1957) đã tán thành Dự thảo Luật về nền trung lập của Campuchia do Norodom Sihanouk đưa ra.

Ngày 11-9-1957, Quốc hội Campuchia phê chuẩn đạo luật này và đến ngày 4-11-1957, đạo luật chính thức được ban hành. Luật trung lập của Campuchia bao gồm những nội dung chính như sau:

- *Campuchia là một nước trung lập;*

- *Campuchia không tham gia bất cứ một liên minh quân sự hay một liên minh chủ nghĩa nào với nước ngoài;*

Campuchia không xâm lược nước nào cả. Trong trường hợp bị xâm lược, Campuchia sẽ tự vệ bằng vũ trang và kêu gọi Liên hợp quốc, hoặc kêu gọi một nước bạn đến giúp đỡ.

Giải thích về sự cần thiết phải ban hành Luật trung lập, Norodom Sihanouk đã nói: "*Nền trung lập giống như nhà của chúng ta nhưng sau khi chúng ta xây được nhà rồi cần thiết phải làm một hàng rào xung quanh, luật trung lập giống như hàng rào của chúng ta*" (7). Điều này thể hiện rõ ràng quan điểm, lập trường của Campuchia về chính sách đối ngoại trung lập của mình.

Thông qua quá trình hình thành và phát triển của chính sách trung lập, chúng ta có thể thấy được mục đích của chính sách này như sau:

1. Đảm bảo độc lập chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ;

2. Tránh biến Campuchia thành chiến trường trong cuộc chiến tranh giành ảnh hưởng giữa hai phe xã hội chủ nghĩa và tư bản chủ nghĩa (cả Chiến tranh nóng và Chiến tranh lạnh);

3. Hòa giải các mâu thuẫn, xung đột trong nội bộ Campuchia;

4. Thu hút viện trợ của các nước trên thế giới để khôi phục phát triển đất nước;

5. Không để Campuchia trở thành nước cộng sản hoặc có phong trào cộng sản hoạt động.

Như vậy, trải qua một quá trình hình thành từ năm 1953, cho đến năm 1957, chính sách trung lập của Campuchia đã được phát triển, hoàn thiện, được chính thức được thể chế hóa và quy định bằng luật pháp. Chính sách này trở thành quan điểm chủ đạo, chi phối các chính sách đối ngoại với các nước khác, trong đó có chính

sách với Mỹ.

Chính sách đối ngoại của Campuchia đối với Mỹ

Với những mục đích nêu trên, chính sách đối ngoại của Campuchia là sẵn sàng thiết lập quan hệ và nhận viện trợ của tất cả các nước không phân biệt ý thức hệ miễn là viện trợ đó không kèm theo điều kiện ràng buộc.

Quan điểm của Campuchia khi thiết lập quan hệ ngoại giao với Mỹ là nhằm góp phần hiện thực hóa những mục đích nêu trên, đặc biệt là các mục tiêu *đảm bảo độc lập chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ và thu hút viện trợ để phát triển đất nước*.

Việc Campuchia lựa chọn Mỹ làm chỗ dựa cho mình đã được tính đến từ năm 1953, trước khi Pháp trao trả độc lập cho Campuchia. Tháng 4-1953, sau khi đi Pháp yêu cầu trao trả độc lập cho Campuchia bất thành, Norodom Sihanouk đã đi Mỹ nhằm thuyết phục Mỹ vận động Pháp trao trả độc lập cho Campuchia. Tuy nhiên, không những Mỹ không ủng hộ đề nghị của Campuchia mà còn yêu cầu Campuchia hợp tác với Pháp để “đánh bại cộng sản” rồi mới tính đến chuyện độc lập của Campuchia. Lý do mà Campuchia lựa chọn Mỹ làm chỗ dựa là vì Campuchia cho rằng Mỹ là đồng minh thân thiết của hai nước láng giềng của Campuchia là Việt Nam Cộng hòa (Việt Nam CH) và Thái Lan. Mỹ có ảnh hưởng rất lớn đối với hai nước này, vì vậy, khi có sự tác động và can thiệp của Mỹ thì lãnh thổ của Campuchia sẽ không bị hai nước láng giềng xâm lấn. Nói cách khác, Campuchia cho rằng quan hệ Campuchia - Mỹ là một sự đảm bảo cho độc lập chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ của Campuchia, như Norodom Sihanouk đã nói: *“Chúng tôi đã chấp nhận viện trợ Mỹ chỉ vì một lý do duy nhất là để đảm bảo*

việc bảo vệ các đường biên giới” (8).

Mặt khác, Campuchia cần viện trợ để khôi phục và phát triển đất nước, việc này hoàn toàn nằm trong khả năng của Mỹ. Giải thích về lý do Campuchia nhận viện trợ của Mỹ, Norodom Sihanouk đã nói: *“... lúc đó chúng tôi cũng còn cần phải xây dựng hạ tầng cơ sở bị hư hỏng vì chiến tranh, xây dựng các tuyến giao thông với nước ngoài không phụ thuộc vào các nước láng giềng, sửa chữa cầu cống... Ngoài ra còn phải nâng cao thêm đời sống vật chất của nhân dân lên một mức tối thiểu, đặc biệt là phải cải tiến lĩnh vực giáo dục, y tế. Vì vậy, tôi đã chấp nhận viện trợ Mỹ...”* (9).

2. Mục tiêu, chính sách đối ngoại của Mỹ đối với Campuchia

Kể từ sau Chiến tranh thế giới thứ Hai kết thúc, đặc biệt là sau sự ra đời của nhà nước CHND Trung Hoa (1949), cùng với việc Liên Xô và CHND Trung Hoa ký Hiệp ước hữu nghị (1950) và Liên Xô công nhận Việt Nam DCHH (1950), Mỹ đã thực sự quan tâm và lo lắng về Đông Dương. Mục tiêu của Mỹ là biến Đông Dương thành thuộc địa kiểu mới của Mỹ, ngăn chặn ảnh hưởng của phong trào cộng sản phát triển ở Đông Nam Á lục địa, lấy Đông Dương làm chỗ dựa để khống chế các nước Đông Nam Á và làm bàn đạp tấn công Trung Quốc. Những âm mưu của Mỹ thực hiện ở Việt Nam, Lào, Campuchia đều căn cứ vào tình hình chung của ba nước Đông Dương và nhằm vào một mục đích chiến lược thống nhất, rồi thực hiện ở từng nước với những hình thức và mức độ khác nhau.

Vào giữa năm 1949, với việc những người cộng sản Trung Quốc đã hầu như nắm chắc chiến thắng, vấn đề sự mở rộng ảnh hưởng của phong trào cộng sản đã trở thành vấn đề bao trùm lên mọi cân nhắc tính toán của Mỹ. Câu hỏi được đặt ra đối

với Mỹ là: *Nước Mỹ có giữ được các nước Đông Dương ngoài vòng ảnh hưởng của chủ nghĩa cộng sản?* Tháng 7-1949, Hội đồng An ninh quốc gia Mỹ đã cho rằng: *“... nếu như Đông Nam Á rơi vào tay chủ nghĩa cộng sản thì chúng ta sẽ phải gánh chịu một tổn thất chính trị to lớn và những tác động của nó sẽ lan ra toàn bộ phần còn lại của thế giới”* (10).

Chính vì vậy, ngay sau khi Pháp trao quy chế tự trị cho ba nước Đông Dương nằm trong Liên hiệp Pháp (French Union), ngày 7-2-1950, Mỹ đã tuyên bố công nhận ba “chính phủ” độc lập ở Campuchia, Lào và Việt Nam. Mỹ cho rằng việc công nhận này là bước đi đầu tiên trong một nỗ lực đồng bộ nhằm kiềm chế phong trào cộng sản ở Đông Nam Á. Đầu năm 1950, khi Pháp đề nghị Mỹ viện trợ cho Pháp trong cuộc chiến tranh Đông Dương, Ngoại trưởng Mỹ, Dean Acheson, nói rằng Mỹ sẽ tiến hành tất cả các biện pháp có thể để ngăn chặn sự mở rộng ảnh hưởng của chủ nghĩa cộng sản ở Đông Nam Á. Ngày 10-3-1950, Tổng thống Mỹ Truman đã đồng ý trên nguyên tắc viện trợ cho Pháp, và vào tháng 5-1950, Truman đã quyết định viện trợ cho Pháp 20 triệu USD cho 6 tuần còn lại của năm tài khóa (11). Quan điểm của Mỹ là Pháp buộc phải thắng trong cuộc chiến tranh Đông Dương để duy trì ảnh hưởng của phương Tây, ngăn chặn ảnh hưởng của chủ nghĩa cộng sản. Thứ trưởng Ngoại giao Mỹ, John Foster Dulles, đã nói rằng: *“... bất cứ cuộc thương lượng nào cũng là một tổn thất đối với Mỹ và sự kiểm soát của những người cộng sản không chỉ ở bán đảo Đông Dương mà còn tràn vào toàn bộ khu vực Đông Nam Á, chính vì vậy, việc để mất Đông Dương sẽ đem lại sự đe dọa rất lớn đối với an ninh của Mỹ”* (12).

Năm 1952, Hội đồng An ninh quốc gia Mỹ đã đưa ra Nghị quyết về chính sách đối với các mục tiêu ở Đông Nam Á với các nội dung cơ bản như:

a/ Tăng cường các hoạt động tuyên truyền về văn hóa cho thích hợp với khu vực đó để thúc đẩy nhân dân ngày càng đi với thế giới tự do.

b/ Tiếp tục các chương trình giúp đỡ về kinh tế và kỹ thuật để tăng cường các Chính phủ bản xứ không cộng sản tại khu vực đó.

c/ Khuyến khích các nước Đông Nam Á mở rộng việc buôn bán với các nước thuộc thế giới tự do và cổ vũ việc đưa nguyên vật liệu của khu vực đó bán cho thế giới tự do...

g/ Tăng cường các hoạt động bí mật nhằm giúp đỡ việc thực hiện các mục tiêu của Mỹ ở Đông Nam Á...

i/ Có những biện pháp để thúc đẩy việc phối hợp bảo vệ khu vực và khuyến khích ủng hộ tinh thần để kháng trong các dân tộc ở Đông Nam Á đối với các tổ chức của cộng sản ở địa phương” (13).

Đối với Campuchia, vào đầu năm 1951, Mỹ cho rằng nước này đang trong quá trình cải cách chính trị, tình hình an ninh Campuchia cũng đáng lo lắng nhưng không phải là không có hy vọng. Với tình hình này, Mỹ lạc quan cho rằng, có thể sử dụng Campuchia như một địa bàn để tuyên truyền chống chủ nghĩa cộng sản và hy vọng Campuchia không trở thành “thuộc địa của chủ nghĩa cộng sản”

Như phần trên đã trình bày, ngày 13-4-1953, Norodom Sihanouk đi Mỹ, với mục đích yêu cầu Mỹ ủng hộ nền độc lập của các nước Đông Dương, đặc biệt là của Campuchia nhưng Mỹ đã không đồng ý. Mặt khác, Mỹ còn ép Campuchia đứng về phía Mỹ nhằm ủng hộ, hợp tác với Pháp để

chống lại Việt Minh, ngăn chặn ảnh hưởng của chủ nghĩa cộng sản ở Đông Nam Á cũng như ở Campuchia. Trong cuộc thảo luận với Ngoại trưởng Mỹ J.F. Dulles, Dulles đã làm Norodom Sihanouk hết sức thất vọng khi nói rằng: *"Các ông trước hết phải đánh bại chủ nghĩa cộng sản trong khu vực của mình đã. Lúc đó chúng tôi sẽ gây sức ép để Pháp phải làm cái gì cần làm... Kẻ thù chung của chúng ta là Việt Minh... Chiến tranh đang bước vào thời điểm quyết định. Chúng tôi phải chiến thắng. Hơn bao giờ hết chúng ta phải đoàn kết phối hợp chặt chẽ mọi lực lượng, mọi phương tiện của chúng ta chứ không phải để cãi vã, gây chia rẽ. Bất đồng giữa các ông với Pháp sẽ có lợi cho kẻ thù chung"* (14).

Trong quá trình diễn ra Hội nghị Geneva, Mỹ luôn tìm cách phá hoại Hội nghị và có ý đồ sử dụng Sam Sary (15) như một con bài nhằm mục đích có lợi cho Mỹ. Trước khi Hiệp định được ký kết, Sam Sary đã phát biểu: *"... Vương quốc Campuchia, một quốc gia độc lập và có chủ quyền, không thể chấp nhận bất cứ một hạn chế nào đối với sự lựa chọn của mình về những mối liên minh đối ngoại, hoặc ngay cả đối với quyền cho phép Mỹ thiết lập căn cứ quân sự trên lãnh thổ của mình"* (16). Thậm chí, Mỹ đã mặc cả với Pháp 7 điều kiện để Mỹ ký vào Hiệp định, trong đó có những điều liên quan đến Campuchia như sau:

- *Phải giữ được toàn bộ ảnh hưởng của Pháp ở Campuchia;*

- *Không đặt ra một hạn chế nào đối với quyền của Campuchia tự do xây dựng lực lượng quân sự của mình, nhập vũ khí và mời cố vấn nước ngoài vào giúp* (17).

Song vì không đạt được một số mục đích của mình, Mỹ đã không ký vào bản tuyên

bố chung của Hội nghị, mà chỉ ra một Tuyên bố riêng cam kết tôn trọng Hiệp định Geneva về Đông Dương.

Như vậy, chúng ta có thể thấy rằng, mục tiêu, chính sách của Mỹ đối với Campuchia là biến nước này thành thuộc địa kiểu mới, căn cứ quân sự ở Đông Nam Á hoặc ít ra cũng là đồng minh của Mỹ nhằm dùng Campuchia làm bàn đạp tấn công Việt Nam, đồng thời tạo nên hành lang Sài Gòn

Phnom Penh Bangkok nhằm ngăn chặn ảnh hưởng của chủ nghĩa cộng sản xuống Đông Nam á. Để thực hiện chính sách này, song song với những hành động can thiệp về chính trị, quân sự, Mỹ cũng tìm mọi cách xâm nhập vào Campuchia dưới các hình thức "viện trợ" về kinh tế, quân sự.

3. Quan hệ Campuchia Mỹ (1954-1965)

Ngày 7-2-1950, Mỹ tuyên bố công nhận "chính phủ" độc lập ở Campuchia, kể từ đó hai bên đã có cơ quan đại diện ngoại giao. Ngày 23-12-1950, Campuchia và Mỹ đã ký kết Thỏa thuận hỗ trợ phòng thủ chung (Mutual Defense Assistance Agreement). Trong vòng 4 năm (1950 - 1954), Mỹ đã viện trợ kinh tế và quân sự cho Campuchia với tổng số tiền là 7,8 triệu USD (18).

Tuy nhiên, quan hệ ngoại giao giữa hai nước chỉ được thiết lập chính thức sau khi Hiệp định Geneva năm 1954 về Đông Dương được ký kết, Mỹ công nhận Campuchia là một quốc gia độc lập và đã bổ nhiệm Đại sứ đến Phnom Penh. Từ năm 1954 đến năm 1965, quan hệ giữa hai nước đã trải qua nhiều thăng trầm và biến động.

Sau khi quan hệ ngoại giao giữa hai nước chính thức được thiết lập, việc đầu tiên mà Mỹ thực hiện là vận động Campuchia tham gia SEATO. Ngày 8-9-1954, tại Manila, Philippines, Mỹ đã đứng ra thành lập Tổ chức phòng thủ chung

Đông Nam Á hay còn gọi là Tổ chức hiệp ước Đông Nam Á - SEATO (Southeast Asia Treaty Organization). Tháng 2-1955, Ngoại trưởng Mỹ, John Foster Dulles, đã đến thăm Phnom Penh với mục đích thuyết phục Campuchia gia nhập SEATO. Tuy nhiên, Campuchia đã từ chối đề nghị này của Mỹ. Tháng 4-1955, các thành viên khối quân sự SEATO họp tại Bangkok đã quyết định đặt Nam Việt Nam, Lào, Campuchia dưới sự che chở của SEATO mà không cần hỏi ý kiến trước. Trước sự việc này, Campuchia đã lên tiếng phản đối, Norodom Sihanouk đã nói với đại sứ Mỹ, McClintock, tại Phnom Penh: "... *Chúng tôi không cần sự che chở mà chúng tôi không tự nguyện yêu cầu*" (19).

Trước thái độ phản đối của Campuchia, Mỹ đã tích cực tiến hành vận động ngoại giao nhằm thuyết phục Campuchia tham gia khối SEATO. Cuối năm 1955, Giám đốc cơ quan tình báo Mỹ (CIA), Alen Dulles (20), đã đến Phnom Penh gặp Norodom Sihanouk với mục đích dụ dỗ, thuyết phục và đe dọa nhằm ép Campuchia tham gia SEATO. Theo Norodom Sihanouk, Alen Dulles đã "... *vác theo một cặp hồ sơ đầy những tài liệu nói rằng Campuchia đang là nạn nhân đứng trước "nguy cơ xâm lược của cộng sản", cách độc nhất để cứu sống chế độ quân chủ Campuchia, đất nước Campuchia, và cứu sống cả bản thân cá nhân tôi là chấp nhận sự che chở của khối SEATO*" (21), song Alen Dulles đã không thực hiện được mục đích của mình. Sau thất bại của anh em nhà Dulles, đến lượt Đại sứ Mỹ tại Phnom Penh, Rober McClintock, thuyết phục, đe dọa Norodom Sihanouk. McClintock cho rằng, Trung Quốc có ý định thôn tính Campuchia, Quốc hội Mỹ sẽ cắt viện trợ đối với những nước nào đi theo đường lối trung lập, không tham gia chống chủ nghĩa cộng sản cùng

với Mỹ có nghĩa là chống lại Mỹ... Song, tất cả các hành động đe dọa, thuyết phục Campuchia chấp nhận "sự che chở của khối SEATO" của Mỹ đều không thành công.

Một câu hỏi được đặt ra là: Campuchia đã coi Mỹ là chỗ dựa để đảm bảo độc lập chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ vậy thì *tại sao Campuchia từ chối việc gia nhập SEATO?* Chúng tôi cho rằng, Campuchia từ chối gia nhập SEATO vì những lý do như sau:

Thứ nhất, nếu Campuchia gia nhập SEATO là vi phạm Hiệp định Geneva về Đông Dương năm 1954 và trái với cam kết trung lập của Campuchia tại Hội nghị Bandung tháng 4-1955.

Thứ hai, Campuchia cho rằng SEATO là một khối liên minh quân sự xâm lược chống lại các nước láng giềng của Campuchia, những nước mà Campuchia không cùng một hệ tư tưởng nhưng vẫn duy trì những quan hệ hữu nghị.

Mặc dù từ chối đi theo Mỹ gia nhập SEATO nhưng Campuchia vẫn đồng ý nhận viện trợ về kinh tế, quân sự của Mỹ. Theo số liệu của cơ quan Phát triển quốc tế của Mỹ ở Phnom Penh, từ năm 1951 đến năm 1961, Mỹ đã viện trợ cho Campuchia tổng số 293.493.600 USD, trong đó viện trợ quân sự là 65.925.000 USD. Còn theo số liệu của Đại sứ quán Campuchia tại Mỹ, từ năm 1955 đến năm 1963, Mỹ đã viện trợ cho Campuchia tổng số 493.300.000 USD, trong đó viện trợ quân sự là 83.700.000 USD (22). Nếu tính từ năm 1953 đến trước khi Campuchia tuyên bố không nhận viện trợ của Mỹ, hàng viện trợ của Mỹ cho Campuchia dưới hình thức cho vay khoảng 25 triệu đô la (23) nhưng dưới hình thức hàng hóa như ô tô, xăng dầu... nhằm biến Campuchia thành thị trường tiêu thụ hàng hóa ế thừa của Mỹ.

Vào ngày 27-12-1954, Campuchia đã đồng ý cho một nhóm cố vấn quân sự Mỹ đến trợ giúp cho lĩnh vực hậu cần của Campuchia mặc dù hai nước chưa có một hiệp định nào nói về việc thiết lập Nhóm cố vấn quân sự của Mỹ ở Campuchia (MAAG). Ngày 16-5-1955, Campuchia và Mỹ đã kí Hiệp định về viện trợ quân sự. Theo Hiệp định này, Mỹ sẽ cung cấp vũ khí, quân trang, quân dụng và đài thọ phần lớn kinh phí cho quân đội Campuchia ước tính khoảng trên dưới 40.000 người, với những điều kiện ràng buộc như sau:

1. Cố vấn quân sự của Mỹ ở Campuchia được quyền miễn trừ ngoại giao, tức được coi là nhân viên đại sứ quán Mỹ ở Campuchia;

2. Campuchia không được sử dụng trang thiết bị quân sự của Mỹ để tiến hành chiến tranh xâm lược nước khác;

3. Campuchia chỉ được sử dụng trang thiết bị của Mỹ với mục đích an ninh nội bộ và trong lãnh thổ Campuchia;

4. Campuchia không được chuyển giao trang thiết bị của Mỹ cho nước thứ ba.

Tuy nhiên, sự viện trợ của Mỹ vẫn không làm Campuchia lung lay trong lập trường trung lập hay chấp nhận sự bảo trợ của khối SEATO. Ngày 31-1-1956, Norodom Sihanouk tới Manila theo lời mời của Chính phủ Philippines, báo chí Philippines đã rầm rộ đưa tin rằng chuyến thăm của Norodom Sihanouk sẽ dẫn đến việc Campuchia gia nhập SEATO. Ngày 1-2-1956, báo *The Manila Chronicle* đưa tin: “Chuyến viếng thăm của Hoàng thân Norodom Sihanouk tới Manila có thể kết thúc bằng việc tuyên bố Campuchia gia nhập SEATO... Các quan chức khẳng định rằng sự chuẩn bị chu đáo cho chuyến thăm này là một phần trong chiến dịch vận động

xóa bỏ thái độ trung lập trong cuộc chiến Đông - Tây...” và “... trong cuộc phỏng vấn ngắn tại sân bay quốc tế Manila, rõ ràng Ngài Phó Tổng thống hy vọng sẽ thuyết phục được Campuchia gia nhập SEATO chống lại sự xâm lược của cộng sản” (24), tờ *Philippines Herald* viết. Trái với mong muốn đó, trong thời gian ở thăm Manila, Norodom Sihanouk đã kiên quyết khẳng định và bảo vệ chính sách trung lập của Campuchia. Trước câu hỏi: “*Liệu Campuchia có đủ sức để chống lại sự khủng bố của chủ nghĩa cộng sản hay không?*” của phóng viên tờ *Manila Chronicle*, Norodom Sihanouk đã trả lời: “*Với tư cách là một nước trung lập và là nước tham gia ký kết hiệp định Geneva, Campuchia có quyền sử dụng quân đội để bảo vệ nền trung lập của mình*” (25).

Sau khi Campuchia từ chối sự bảo hộ của SEATO ở Philippines và sau chuyến thăm chính thức của Norodom Sihanouk đến Trung Quốc ngày 13-2-1956 bất chấp sự ngăn cản từ phía Mỹ, chính quyền Sài Gòn và Thái Lan đã tiến hành những hành động chống phá Campuchia như bao vây cấm vận kinh tế, tiến hành các tranh chấp xung đột dọc biên giới. Như lời Norodom Sihanouk nói: “*Họ lên án tôi đang “mở đường cho Trung Quốc xâm lược Thái Lan và Nam Việt Nam”, kêu gọi Thái Lan và chế độ Sài Gòn phải áp dụng các biện pháp phòng vệ*” (26), Campuchia cho rằng Mỹ đã đứng đằng sau những hành động này nhằm ngăn cản Campuchia quan hệ với Trung Quốc và ép Campuchia tham gia SEATO.

Quan hệ giữa Campuchia và Mỹ ngày càng căng thẳng hơn khi Campuchia và Trung Quốc ký kết thỏa thuận viện trợ (27) và chính thức thiết lập quan hệ ngoại giao

ngày 24-7-1958 (28), đặc biệt là khi âm mưu đảo chính, thường được biết đến với tên gọi *Kế hoạch Bangkok* hay *Bangkok Plot* bất thành. Ba tháng sau cuộc họp của khối SEATO ở Bangkok (9-1958), Sơn Ngọc Thành, thủ lĩnh phong trào Khmer Tự do (Khmer Serei) được Mỹ, Thái Lan và Nam Việt Nam ủng hộ, tới Bangkok họp với CIA và Ngô Trọng Hiếu, Đại diện ngoại giao của chế độ Sài Gòn tại Phnom Penh. Cuộc họp đã thông qua Nghị quyết gồm ba điểm:

1. *Sử dụng nguồn tài chính của Mỹ để thành lập một đảng đối lập ở Campuchia nhằm phá hoại đường lối trung lập của Campuchia;*

2. *Tiến hành các hoạt động gây rối loạn như bắt cóc, cướp của giết người, kết hợp với những tin đồn về một cuộc xâm lăng sắp tới của cộng sản;*

3. *Tổ chức những nhóm vũ trang bí mật ngay trong nội địa Campuchia sẵn sàng khởi sự vào giờ G, ngày N.*

Sơn Ngọc Thành được phân công chỉ huy các lực lượng vũ trang tập trung ở khu vực biên giới Thái Lan - Campuchia (CIA chi 1 triệu đô la vào việc tuyển mộ, nuôi dưỡng, huấn luyện, trang bị vũ khí). Ngô Trọng Hiếu có nhiệm vụ chỉ huy các lực lượng vũ trang tập trung ở khu vực biên giới Nam Việt Nam - Campuchia. Đáp Chuôn, Tư lệnh các lực lượng vũ trang Campuchia tại khu vực Siem Reap - Kampong Thom, cùng với Sam Sary (từng giữ chức Phó Thủ tướng Campuchia, Đại sứ Campuchia tại Anh) phụ trách việc lật đổ ở trong nước. Một điệp viên CIA giữ nhiệm vụ liên lạc với ba nhóm vũ trang nói trên và chuyển giao vũ khí, phương tiện, tài chính cho những nhóm này. Tất cả sự việc sau đó đã diễn ra đúng như kịch bản đã được vạch ra tại Bangkok. Đầu năm 1959, Sam Sary đã cho

rải truyền đơn tuyên truyền vận động nhân dân phá chế độ quân chủ lập hiến của Campuchia. Cũng trong thời điểm này, ở Campuchia nạn khủng bố, cướp bóc diễn ra tràn lan, nhiều trẻ em con các quan chức cấp cao bị bắt cóc. Sơn Ngọc Thành còn đe dọa nhân dân vùng Battambang là ba tiểu đoàn Khmer Tự do và nhiều toán biệt kích dưới quyền hấn đang từ các căn cứ đặt trong các tỉnh Tây Ninh và Kiến Tường (nay thuộc tỉnh Long An) ở Nam Việt Nam đang thâm nhập vào nội địa Campuchia. Trong khi đó, Đáp Chuôn lặng lẽ bố trí quân tại những địa điểm chiến lược trong khu vực các tỉnh Siem Reap và Kampong Thom.

Âm mưu này đã được các cơ quan tình báo của Trung Quốc, Ấn Độ, Pháp phát hiện và báo cho Campuchia. Sau đó, Campuchia đã gửi toàn bộ hồ sơ vụ việc cho Đại sứ quán Mỹ ở Phnom Penh. Đồng thời, ngày 26-3-1959, Norodom Sihanouk trực tiếp dẫn hai mươi nhà ngoại giao, trong đó có đại diện Mỹ, Liên Xô, Trung Quốc, Anh, Pháp đến Siem Reap để tận mắt chứng kiến các tang vật bị thu giữ, bao gồm điện đài, sổ sách ghi chép nội dung các buổi liên lạc giữa Đáp Chuôn với Sài Gòn, Bangkok, 270 kg vàng và các loại vũ khí và thiết bị do thám của Mỹ không nằm trong danh sách "viện trợ quân sự" cho chính phủ Campuchia. Như vậy, Norodom Sihanouk đã có biện pháp đối phó kịp thời và ngăn chặn thành công âm mưu đảo chính đầu năm 1959.

Tuy nhiên, âm mưu gây bạo loạn của Đáp Chuôn chỉ là một trong nhiều biến động xảy ra tại Campuchia năm 1959. Campuchia còn cho rằng, chủ mưu vụ nổ bom ngày 31-8-1959, tại Hoàng cung Campuchia là Sam Sary với sự ủng hộ của Mỹ và chính quyền Sài Gòn.

Sau các sự kiện này, Norodom Sihanouk đã viết thư cho Tổng thống Mỹ Eisenhower yêu cầu kiểm chế chính quyền Sài Gòn và Thái Lan, đồng thời cáo buộc Mỹ có dính líu đến những vụ việc này. Tổng thống Mỹ tỏ ra rất lo lắng đối với những hành động của các nước láng giềng nhằm làm phương hại đến nền độc lập của Campuchia, tuy nhiên, Mỹ lại thể hiện quan điểm những vấn đề trọng khu vực trước hết phải được giải quyết bởi các nước trong khu vực.

Khi Kennedy lên cầm quyền ở Mỹ, quan hệ giữa hai nước được cải thiện hơn với việc Mỹ quyết định cung cấp máy bay chiến đấu cho Campuchia nhưng Mỹ vẫn kiên quyết không ủng hộ lập trường trung lập của Campuchia. Tháng 9-1961, Norodom Sihanouk đến Mỹ tham dự cuộc họp của Đại hội đồng Liên hợp quốc. Trong cuộc gặp gỡ với Tổng thống Kennedy, Norodom Sihanouk muốn Mỹ công nhận nền trung lập nhưng Mỹ đã từ chối. Cũng trong năm 1961, Campuchia gửi thư cho các nhà lãnh đạo tham dự Hội nghị Geneva về vấn đề trung lập của Lào, đề nghị mở một hội nghị bàn về vấn đề trung lập của Campuchia giống như Lào. Với đề nghị này, các nước xã hội chủ nghĩa và Pháp đã đồng ý nhưng Mỹ đã không chấp nhận. Tháng 9-1963, Campuchia đề nghị Mỹ ủng hộ việc thành lập một nhóm quan sát viên Liên hợp quốc đến giám sát dọc biên giới Campuchia chính quyền Sài Gòn nhưng một lần nữa Mỹ lại từ chối đề nghị này.

Việc Mỹ liên tục không ủng hộ Campuchia về vấn đề trung lập, đứng đằng sau các hành động thù địch của chính quyền Sài Gòn, Thái Lan và phong trào Khmer Tự do diễn ra từ năm 1961 - 1963 đã làm cho quan hệ Campuchia - Mỹ ngày càng căng thẳng hơn.

Ngày 20-11-1963, chính phủ Campuchia

đã gửi chính phủ Mỹ công hàm Campuchia từ chối viện trợ của Mỹ và yêu cầu tất cả các cố vấn quân sự, kinh tế, văn hóa của Mỹ phải rời khỏi Campuchia trước ngày 15-1-1964. Theo Norodom Sihanouk, việc Campuchia từ chối viện trợ của Mỹ là vì: *"viện trợ kinh tế của Mỹ cũng có rất nhiều ràng buộc, bắt chúng tôi phải phụ thuộc vào Mỹ... Tôi đã giải thích: "Thà chúng ta cùng chết bên nhau một cách dũng cảm về vang còn hơn là bị chết dần mòn vì nghẹt thở, và thối nát bởi viện trợ Mỹ. Bởi vì việc phân phối đồng Dolla thường đi kèm những tệ nạn về xã hội và chính trị"* (29).

Cùng với những rắc rối ở trên, một vấn đề đã tác động lớn đến quan hệ giữa hai nước là sự kiện Tổng thống Kennedy bị ám sát vào ngày 22-11-1963. Mỹ cáo buộc Norodom Sihanouk đã có một bài phát biểu trên đài phát thanh bằng tiếng Khmer không hay về sự kiện này vào ngày 9-12-1963: *"... trong khoảng một tháng rưỡi những kẻ thù của chúng ta đã lần lượt ra đi. Đầu tiên là ở phía đông, sau đó đến ông chủ lớn và bây giờ là một ở phía tây. Tất cả họ đã luôn tìm cách xâm phạm nền trung lập của chúng ta và gây cho chúng ta nhiều rắc rối. Bây giờ họ đang gặp nhau ở địa ngục, ở đó họ sẽ xây dựng các căn cứ quân sự cho SEATO"* (30) (Tổng thống Việt Nam Cộng hòa Ngô Đình Diệm chết ngày 2-11-1963; Tổng thống Mỹ Kennedy chết ngày 22-11-1963; và Thủ tướng Thái Lan Sarit Thanarat chết ngày 7-12-1963). Tuy nhiên, phía Campuchia phủ nhận và cho rằng Campuchia không có ý định liên hệ ba sự kiện này với nhau, đồng thời Campuchia đã tuyên bố ba ngày quốc tang. Phản ứng về việc này, Mỹ đã cho gọi đại sứ Campuchia tại Mỹ là Nong Kimny đến để trách mắng và phía Mỹ đã dùng từ *"man rợ"* (Barbaric) để nói về hành động của Norodom Sihanouk, còn Norodom Sihanouk đã gọi

việc làm của phía Mỹ là “*coi thường và khinh rẻ*” (contemptuous and gratuitous).

Điều này như một giọt nước làm tràn ly dẫn đến sự gián đoạn quan hệ giữa hai nước. Norodom Sihanouk đã quyết định triệu hồi đại sứ và đóng cửa đại sứ quán Campuchia tại Mỹ. Đáp lại, Mỹ cũng đã rút hầu hết cố vấn quân sự và triệu hồi đại sứ.

Mặc dù đã triệu hồi đại sứ, Campuchia vẫn có những nỗ lực nhằm hàn gắn quan hệ giữa hai nước, chẳng hạn như Campuchia yêu cầu Mỹ chấm dứt sự ủng hộ đối với đài phát thanh Khmer Tự do; đề nghị có một hội nghị quốc tế bàn về vấn đề trung lập của Campuchia...

Trong thời gian này, tại Việt Nam, chiến lược “Chiến tranh Đặc biệt” đứng trước nguy cơ phá sản hoàn toàn, Mỹ phải chuyển sang chiến lược “Chiến tranh Cục bộ”, ồ ạt đưa quân vào miền Nam Việt Nam, đẩy mạnh chiến tranh xâm lược và mở rộng ném bom miền Bắc. Chính vì vậy, vấn đề hàn gắn quan hệ với Campuchia trở thành thứ yếu, không được chính quyền Mỹ quan tâm. Mặt khác, chính quyền Sài Gòn đã nhiều lần đưa quân tấn công vào lãnh thổ Campuchia dọc theo biên giới giữa hai nước gây thương vong cho dân thường Campuchia. Đồng thời, máy bay Mỹ cũng nhiều lần ném bom xuống lãnh thổ Campuchia (tại các tỉnh Takeo, Prey Veng, Kandal, Kampot, Svey Rieng...). Phản ứng trước những sự việc trên, Campuchia đã kịch liệt lên án hành động xâm lược Việt Nam của Mỹ và tố cáo Mỹ đã đứng đằng sau các hành động của chính quyền Sài Gòn, ủng hộ phong trào Khmer Tự do của Sơn Ngọc Thành (31) ...

Ngày 3-5-1965, Campuchia tuyên bố cắt đứt quan hệ ngoại giao trước những động thái gây hấn và leo thang chiến tranh ngày càng quyết liệt của Mỹ (32).

Như vậy, quan hệ giữa Campuchia và Mỹ được thiết lập vào năm 1954 và chính thức chấm dứt vào năm 1965, sau hơn một thập kỷ với nhiều sự kiện quan trọng diễn ra trên các lĩnh vực kinh tế, quân sự (dưới hình thức “viện trợ” của Mỹ) và chủ yếu là trong lĩnh vực chính trị ngoại giao.

4. Những nhân tố tác động đến quan hệ Campuchia - Mỹ

Nhìn lại mối quan hệ giữa hai nước Campuchia và Mỹ từ năm 1954 đến năm 1965, chúng tôi cho rằng quan hệ giữa Campuchia và Mỹ chịu tác động rất lớn của bối cảnh quốc tế và khu vực trong việc hoạch định chính sách đối ngoại, đặc biệt mối quan hệ này chịu ảnh hưởng trực tiếp của một số nhân tố sau đây:

Thứ nhất là quan hệ giữa Campuchia với Thái Lan và chính quyền Sài Gòn: Thái Lan và chính quyền Sài Gòn là hai nước đồng minh thân cận của Mỹ, cũng là tay sai của Mỹ, là hai điểm tiền tiêu chống chủ nghĩa cộng sản ở Đông Nam Á lục địa. Có thể nói rằng, các chính sách đối ngoại của Thái Lan và chính quyền Sài Gòn đều bị ảnh hưởng và tác động của Mỹ. Trong khi đó, quan hệ giữa Campuchia với Thái Lan và chính quyền Sài Gòn trong giai đoạn này bị bao phủ bởi những tranh cãi và xung đột. Như phần trên đã trình bày, Thái Lan và chính quyền Sài Gòn liên tục gây các cuộc xung đột dọc biên giới Campuchia, tính đến năm 1965 đã có hơn 7000 vụ Sài Gòn và Bangkok xâm phạm vùng trời, vùng biển và lãnh thổ Campuchia (33). Chính vì những tranh chấp xung đột này Campuchia quyết định cắt đứt quan hệ ngoại giao với Thái Lan vào ngày 24-11-1958 và với chính quyền Sài Gòn vào ngày 27-8-1963.

Mâu thuẫn, xung đột giữa Campuchia với hai nước láng giềng nói trên đã có tác

động không nhỏ đến quan hệ giữa Campuchia và Mỹ. Campuchia liên tục cáo buộc Mỹ có dính líu đến những hành động của Sài Gòn và Bangkok còn Mỹ thì liên tục phủ nhận và giải thích. Campuchia nhiều lần đề nghị, yêu cầu Mỹ tác động, gây sức ép đối với Thái Lan và chính quyền Sài Gòn, nhưng Mỹ đã không đáp ứng yêu cầu của Campuchia, thậm chí còn tiếp tay hoặc trực tiếp tham gia vào các hoạt động chống phá này. Mặt khác, một trong những mục tiêu mà Campuchia thiết lập quan hệ với Mỹ là đảm bảo độc lập, chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ trước sự đe dọa của hai nước láng giềng này. Thực tế cho thấy trong hơn 10 năm quan hệ với Mỹ Campuchia đã không đạt được mục tiêu của mình và việc Campuchia cắt quan hệ với Mỹ là điều hoàn toàn dễ hiểu.

Cuối cùng, có thể nói rằng bất cứ khi nào quan hệ giữa Campuchia với Thái Lan và chính quyền Sài Gòn êm thấm thì quan hệ giữa Campuchia và Mỹ tốt đẹp và ngược lại.

Thứ hai là mối quan hệ giữa Campuchia với các nước xã hội chủ nghĩa: Đây là một trong những nhân tố có tác động không nhỏ đến quan hệ giữa Campuchia và Mỹ. Năm 1956, Norodom Sihanouk đã đi thăm các nước xã hội chủ nghĩa như Trung Quốc, Liên Xô, Liên bang Nam Tư... Sau các chuyến thăm này, Campuchia đã thiết lập quan hệ ngoại giao và nhận viện trợ từ các nước xã hội chủ nghĩa, đặc biệt là viện trợ từ Liên Xô và Trung Quốc (năm 1956 Campuchia và Liên Xô thiết lập quan hệ ngoại giao; năm 1958 Campuchia và Trung Quốc thiết lập quan hệ ngoại giao). Riêng quan hệ giữa Campuchia và Việt Nam DCCCH ở mức độ khiêm tốn hơn. Ngày 11-1-1956, cơ quan đại diện thương mại của Việt Nam DCCCH đã được nâng cấp thành cơ

quan đại diện ngoại giao. Chúng tôi cho rằng, trong các mối quan hệ của Campuchia với các nước xã hội chủ nghĩa thì mối quan hệ giữa Campuchia với Trung Quốc, Liên Xô và Việt Nam DCCCH có ảnh hưởng lớn nhất đối với quan hệ Campuchia - Mỹ. Việt Nam DCCCH là đối thủ trực tiếp của Mỹ, Liên Xô và Trung Quốc là hai nước ủng hộ Việt Nam DCCCH mạnh mẽ nhất cả về vật chất lẫn tinh thần. Mục đích của Mỹ trong quan hệ với Campuchia là bằng mọi cách làm cho Campuchia rơi vào vòng ảnh hưởng của Mỹ, biến Campuchia thành chiến trường chống lại ảnh hưởng của chủ nghĩa cộng sản, chống lại Việt Nam DCCCH và ngăn chặn không cho Campuchia hóa "Đỏ". Chính vì vậy, việc Campuchia có quan hệ với các nước xã hội chủ nghĩa, đặc biệt là với ba nước nói trên có nghĩa là chống lại Mỹ, đi ngược lại và làm phương hại đến "lợi ích" của Mỹ, đe dọa "an ninh" của Mỹ. Kể từ năm 1958, khi Campuchia và Trung Quốc thiết lập quan hệ ngoại giao thì quan hệ giữa Campuchia và Mỹ bắt đầu xấu đi như đã nói ở trên.

Thứ ba là sự điều chỉnh chính sách của Campuchia và Mỹ: Có thể nói đây là nhân tố phát sinh từ bối cảnh quốc tế, khu vực, từ tình hình nội bộ của hai nước và đặc biệt là từ hai nhân tố nói trên.

Về phía Campuchia, bắt đầu từ năm 1956, Campuchia đã có sự điều chỉnh chính sách, đó là việc thiết lập quan hệ với các nước xã hội chủ nghĩa. Khi đó, Norodom Sihanouk đã nói rằng: "... *khi cần thiết chính sách của chúng tôi sẽ thích ứng với hoàn cảnh và các sự kiện của thế giới...*" (34). Trong bài phát biểu tại tỉnh Kampot vào ngày 6-4-1956, Norodom Sihanouk đã giải thích việc thiết lập quan hệ với các nước xã hội chủ nghĩa như sau: "*Mỹ và Thái Lan có quan hệ với Liên Xô... nước*

Anh công nhận nước CHND Trung Hoa... đây là những ví dụ rõ ràng trước mắt chúng ta. Thái độ im lặng của chúng ta đối với các nước xã hội chủ nghĩa không những làm cho chúng ta không được sự tôn trọng mà còn không thể ngăn cản được các nước phương Tây gây khó dễ cho chúng ta. Chính vì vậy, từ nay về sau chúng ta sẽ chia một tay về phía các nước phương Tây, một tay về phía các nước xã hội chủ nghĩa” (35). Kể từ đó, quan hệ giữa Campuchia và các nước xã hội chủ nghĩa, đặc biệt là với Liên Xô và Trung Quốc rất tốt đẹp, Trung Quốc đã trở thành người bạn lớn số một của Campuchia. Với những mối quan hệ tốt đẹp như trên, Campuchia đã ký kết nhiều thỏa thuận hợp tác và nhận được rất nhiều viện trợ từ các nước xã hội chủ nghĩa như: tháng 6-1956, Campuchia ký với Trung Quốc Hiệp định viện trợ kinh tế với giá trị 22,4 triệu USD trong vòng hai năm; tháng 5-1957, Campuchia và Liên Xô ký kết Hiệp định văn hóa, Hiệp định buôn bán và thanh toán và Hiệp định Liên Xô giúp Campuchia xây dựng bệnh viện 500 giường bệnh ở Phnom Penh...

Trong khi đó, một trong những mục tiêu của Campuchia trong quan hệ với Mỹ là thu hút viện trợ để khôi phục và phát triển đất nước. Mỹ là nước đầu tiên viện trợ cho Campuchia (bắt đầu từ năm 1951), do đó, Campuchia không thể có sự lựa chọn nào khác là chấp nhận viện trợ của Mỹ.

Kể từ năm 1956 trở đi, tình hình đã thay đổi, Campuchia nhận viện trợ không chỉ từ Mỹ và các nước phương Tây mà còn từ các nước xã hội chủ nghĩa. Nói cách khác, Campuchia có nhiều lựa chọn hơn trong việc tiếp nhận viện trợ. Vào tháng 3-1956, Norodom Sihanouk đã nói: “... nếu Mỹ muốn cắt viện trợ của chúng tôi... chúng tôi sẽ tiếp nhận viện trợ hoặc của

Liên Xô, hoặc của Trung Quốc... chúng tôi cho rằng nếu chúng tôi yêu cầu viện trợ kinh tế từ nước ngoài sẽ có một số nước ngay lập tức đáp ứng yêu cầu của chúng tôi...” (36). Chính vì điều này mà Campuchia đã quyết định từ chối viện trợ của Mỹ vào năm 1963.

Như vậy, có thể nói hai mục tiêu quan trọng nhất trong quan hệ với Mỹ của Campuchia đó là đảm bảo độc lập chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ và thu hút viện trợ để khôi phục và phát triển đất nước đã không đạt được, quan hệ Campuchia - Mỹ không những không mang lại lợi ích mà còn gây ra hậu quả nghiêm trọng cho Campuchia như làm tổn hại đến độc lập, chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ của Campuchia, biến Campuchia thành thị trường tiêu thụ hàng hóa ế thừa của Mỹ. Chính vì vậy, Campuchia đã quyết định cắt đứt quan hệ với Mỹ năm 1965.

Về phía Mỹ, sự điều chỉnh chính sách của nước này đối với Campuchia bắt đầu từ năm 1958, khi Campuchia thiết lập quan hệ ngoại giao với Trung Quốc. Ban đầu chính sách của Mỹ là mua chuộc, dụ dỗ Campuchia đi theo Mỹ, kể cả dụ dỗ bằng viện trợ (đến năm 1958), sau đó đến đe dọa, âm mưu dùng bạo động lật đổ chế độ ở Campuchia (1959) và cuối cùng là dùng đến vũ lực, sức mạnh quân sự, đặc biệt, từ năm 1965 trở đi Mỹ đã thực hiện chiến lược “Chiến tranh Cục bộ” ở Việt Nam, mở rộng chiến tranh trên toàn Đông Dương với việc cho máy bay ném bom xuống lãnh thổ Campuchia. Chính những điều chỉnh chính sách này của Mỹ đã góp phần gây nên những sóng gió trong quan hệ giữa hai nước và thúc đẩy Campuchia đi đến quyết định cắt đứt quan hệ ngoại giao.

Kết luận

Quan hệ Campuchia - Mỹ chính thức

được thiết lập từ năm 1954 và đã trải qua hơn một thập kỷ (1954 – 1965) đầy *thăng trầm, biến động và chủ yếu diễn ra trên lĩnh vực quan hệ chính trị ngoại giao*. Các lĩnh vực khác như kinh tế, quân sự chủ yếu diễn ra dưới hình thức “viện trợ” của Mỹ. Đó là *mối quan hệ mang tính “mặc cả” (nhìn từ phía Campuchia) và “áp đặt” (nhìn từ phía Mỹ)*.

Có thể nói, *những sự kiện quan trọng trong quan hệ giữa hai nước chính là việc cụ thể hóa của chính sách đối ngoại của mỗi nước trong bối cảnh thế giới có nhiều diễn biến phức tạp vào những thập kỷ 50, 60 của thế kỷ XX*. Đối với Campuchia, đó là sự thể hiện của chính sách hòa bình trung lập; đối với Mỹ, đó là sự thể hiện của chính sách nước lớn với những “hàng số căn bản” trong chiến lược toàn cầu phản cách mạng.

Mối quan hệ Campuchia - Mỹ đã *chịu sự tác động sâu sắc của bối cảnh thế giới và khu vực, tình hình nội bộ cũng như các mối quan hệ khác của hai nước*, đặc biệt là ba nhân tố cơ bản: quan hệ giữa Campuchia với Thái Lan và chính quyền Sài Gòn; mối quan hệ giữa Campuchia với các nước xã hội chủ nghĩa; sự điều chỉnh chính sách của Campuchia và Mỹ.

Trong mối quan hệ này, *mỗi nước đều có mục đích, chính sách và sự điều chỉnh chính sách riêng của mình*. Tuy nhiên, cả hai nước có *cùng một điểm chung là hy vọng sẽ đạt được lợi ích của mình từ phía đối tác*. Đối với Campuchia, các mục đích trong mối quan hệ với Mỹ là đảm bảo độc lập chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ và thu hút viện trợ nước ngoài. Về phía Mỹ, mục tiêu trong quan hệ với Campuchia là bằng mọi cách làm cho Campuchia rơi vào vòng ảnh hưởng của Mỹ, biến Campuchia thành chiến trường chống lại ảnh hưởng của chủ

nghĩa cộng sản ở Đông Nam Á, đặc biệt là ở Đông Dương, chống lại Việt Nam DCCH và ngăn chặn không cho Campuchia trở thành nước cộng sản.

Mặc dù đã rất nỗ lực thực hiện mục đích, chính sách đã đề ra nhưng *Campuchia và Mỹ đều thất bại trong mối quan hệ giữa hai nước*. Cả hai nước không những đạt được mục đích đặt ra mà còn chịu tổn thất trong mối quan hệ này. Về phía Campuchia, độc lập chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ đã bị chính quyền Sài Gòn và Thái Lan xâm phạm với sự tiếp tay của chính Mỹ – đối tác trong mối quan hệ mà Campuchia đặt niềm tin và hy vọng; viện trợ của Mỹ đã không đem lại sự phát triển như Campuchia mong muốn mà còn biến Campuchia thành thị trường tiêu thụ hàng hóa ế thừa của Mỹ và gây ra những hậu quả nghiêm trọng trong xã hội Campuchia, đặc biệt là vấn đề tham nhũng. Tương tự, những thất bại của Mỹ là đã không đặt được Campuchia dưới vòng ảnh hưởng, sự “che chở” của Mỹ; Campuchia đã có quan hệ rộng rãi với các nước xã hội chủ nghĩa, đặc biệt là Trung Quốc; phong trào cộng sản không những không bị đẩy lùi, ngược lại còn phát triển ở Campuchia (năm 1963 Pol Pot lên làm Tổng bí thư và đổi tên đảng Nhân dân Cách mạng Campuchia thành đảng Công nhân Khmer, đến năm 1966, lại đổi thành đảng Cộng sản Khmer); và đặc biệt là việc Campuchia ủng hộ cuộc kháng chiến chống Mỹ của nhân dân Việt Nam như cho phép Việt Nam xây dựng các trạm chỉ huy tạm thời, cho phép bộ đội Việt Nam hành quân trên lãnh thổ Campuchia, sử dụng cảng Kampong Som làm nơi trung chuyển hàng hóa và vũ khí... (37), đây cũng chính là một trong những nhân tố góp phần làm cho Mỹ thất bại nhục nhã trên

chiến trường Đông Dương nói chung và Việt Nam nói riêng.

Trong mối quan hệ mang tính “mặc cả”

và “áp đặt” này, cả Campuchia và Mỹ đều là kẻ thất bại và việc hai nước “chia tay” vào năm 1965 là điều tất yếu xảy ra.

CHÚ THÍCH

(1). Ngày 9-11-1953, Pháp đã tuyên bố trao trả độc lập cho Campuchia, tuy nhiên một số lực lượng Pháp vẫn đóng quân trên lãnh thổ Campuchia. Tháng 7-1954, Hiệp định Geneva về Đông Dương được ký kết, trong đó công nhận độc lập, chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ của Campuchia.

(2). Norodom Sihanouk sinh ngày 31-10-1922, năm 1941, ông lên ngôi vua và trị vì đất nước đến ngày 2-3-1955 thì thoái vị, ông trao lại ngai vàng cho cha mình là Norodom Suramarit. Trong sự nghiệp chính trị của mình, Norodom Sihanouk đã từng 2 lần làm vua (1941-1955 và 1993-2004), 2 lần làm Quốc trưởng Campuchia (1960-1970 và 1975-1976), từ năm 1945 đến năm 1970 ông đã từng 16 lần giữ chức Thủ tướng chính phủ. Ngày 7-10-2004, ông một lần nữa thoái vị trao lại ngai vàng cho con trai là Norodom Sihamoni. Hiện ông sinh sống tại Phnom Penh.

(3). Roger. M Smith, *Cambodia's Foreign Policy*, Cornell University Press, 1965, p. 73.

(4). Roger. M Smith, sđd, p. 78, 79.

(5). Norodom Sihanouk, *Từ cuộc chiến chống CIA đến người tù của Khmer Đỏ*, Nxb. Công an Nhân dân, Hà Nội, 2003, tr. 53.

(6). Diep Sophol, *Chế độ Cộng đồng xã hội bình dân: Từ thắng lợi đến khủng hoảng và sụp đổ*, Phnom Penh, 2009, tr. 155 (tiếng Khmer).

(7). Diep Sophol, sđd, tr. 170.

(8). Norodom Sihanouk, sđd, tr. 63.

(9). Norodom Sihanouk, sđd, tr. 60.

(10). Kenton Clymer, *The United States and Cambodia 1870 1969 From curiosity to confrontation*, London, 2004, p. 25.

(11). Kenton Clymer, sđd, tr. 26.

(12). Diep Sophol, *Campuchia chiến tranh và hòa bình 1945 - 1991: Nhân tố khu vực và nhân tố thế giới*. Phnom Penh, 2010, tr. 238-239 (Tiếng Khmer).

(13). The Pentagon Papers, Ed. The Bantam Book, 1971, New York, p.28-29.

(14). Norodom Sihanouk, sđd, tr. 95.

(15). Sam Sary là Phó Thủ tướng kiêm Ngoại trưởng Campuchia từ năm 1954 đến năm 1955, được cử tham gia Hội nghị với tư cách Đặc phái viên của Norodom Sihanouk.

(16). Wilfred G. Burchett, *Tam giác Trung Quốc Campuchia Việt Nam*, Nxb. Thông tin Lý luận, Hà Nội, 1986, tr. 47.

(17). Phạm Việt Trung, Nguyễn Xuân Kỳ, Đỗ Văn Nhung, *Lịch sử Campuchia*, Nxb. Đại học và Trung học chuyên nghiệp, Hà Nội, 1982, tr. 266.

(18). Kenton Clymer, sđd, p. 26.

(19). Norodom Sihanouk, sđd, tr. 58.

(20). Alen Dulles là em trai Ngoại trưởng Mỹ J.F. Dulles.

(21). Norodom Sihanouk, sđd, tr. 53.

(22). *The American Aid Program in Cambodia A decade of cooperation 1951 - 1961*, United States Agency for International Development Phnom Penh, Cambodia, Lưu trữ Quốc gia Campuchia, Hồ sơ số 671.

(23). W.G. Burchett, *En remontant le Mékong*, Hà-nội, Flenue Runge, 1957, p. 202.

(24). Roger.M Smith, sđd, p. 92.

(25). Chuyến thăm chính thức Philippines của Hoàng thân Norodom Sihanouk, Lưu trữ Quốc gia Campuchia, Hồ sơ số 316, tr. 93 (tiếng Khmer).

(26). Norodom Sihanouk, sđd, tr. 57.

(27). Theo thỏa thuận ký kết năm 1956, Trung Quốc viện trợ cho Campuchia tổng số tiền 22,8 triệu USD trong vòng 2 năm để xây dựng các nhà máy, hệ thống thủy lợi và cơ sở hạ tầng. Đây là viện trợ đầu tiên của Trung Quốc cho một nước không cộng sản.

(28). Ngày 17-7-1958, nhân danh Thủ tướng Campuchia, Norodom Sihanouk gửi điện cho Thủ tướng Trung Quốc Chu Ân Lai tuyên bố Campuchia chính thức công nhận nước CHND Trung Hoa và quyết định thiết lập quan hệ ngoại giao với Trung Quốc. Ngày 19-7-1958, Trung Quốc hoan nghênh quyết định của Campuchia và đồng ý thiết lập quan hệ ngoại giao giữa hai nước. Ngày 24-7-1958, Campuchia và Trung Quốc đã ra thông cáo chung về việc thiết lập quan hệ ngoại giao giữa hai nước.

(29). Norodom Sihanouk, sđd, tr. 78.

(30). Kenton Clymer, sđd, p. 185.

(31). Việc Mỹ ủng hộ phong trào Khmer Tự do đã bị John Shaw, phóng viên tạp chí Times của Hongkong phanh phui. John Shaw đã có cuộc phỏng vấn trực tiếp với Sơn Ngọc Thành, cho biết:

“... khoảng một nửa trong số 1000 lính Khmer Tự do thuộc biên chế của tổ chức Các nhóm phòng vệ dân sự không chính quy (Civillian Irregular Defense Groups), những nhóm này được CIA đài thọ kinh phí và hoạt động dưới sự chỉ huy của đội đặc nhiệm Mỹ và Nam Việt Nam” (Xem thêm: Kenton Clymer, sđd, p. 107-108).

(32). Sau khi hai nước cắt đứt quan hệ ngoại giao, đại diện cho quyền lợi của Campuchia ở Mỹ là Pháp, đại diện cho quyền lợi của Mỹ ở Campuchia là Australia.

(33). Phạm Việt Trung, Nguyễn Xuân Kỳ, Đỗ Văn Nhung, *Lịch sử Campuchia*, Nxb. Đại học và Trung học chuyên nghiệp, Hà Nội, 1982, tr. 281.

(34), (36). Roger.M Smith, sđd, p. 86, 97-98.

(35). Phát biểu của Norodom Sihanouk tại tỉnh Kampot, ngày 6-4-1956, trang 31-32, Lưu trữ Quốc gia Campuchia, Hồ sơ số 313 (tiếng Khmer).

(37). Vào năm 1965, tại Bắc Kinh, Tướng Lon Nol của Campuchia và Tướng Lo Juiching của Trung Quốc đã ký kết một thỏa thuận quân sự bí mật trong đó có các nội dung: 1) Campuchia cho phép bộ đội Việt Nam hành quân và ẩn náu trên lãnh thổ Campuchia dọc theo biên giới hai nước, cho phép Việt Nam xây dựng trạm chỉ huy trên đất Campuchia và sẽ giúp đỡ khi cần thiết; 2) Campuchia cho phép việc vận chuyển vũ khí cho Việt Nam qua đường Campuchia (Xem thêm: Diep Sophol, sđd, tr. 129 - 130).